TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HSST
Ngày 25 tháng 02 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, THANH HOÁ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà : Ông **Lê Đăng Tuấn**

Các hội thẩm nhân dân :

1/ Ông: **Trịnh Văn Thọ**

2/ ông: **Phan Thanh Bình**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Lê Văn Hân** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên toà, Ông: **Lê Văn Tân** - Chức vụ: kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/HSST ngày 31 tháng 01 năm 2019.

Đối với các bị cáo:

1. **Lê Sỹ H** - Sinh năm 1984;
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn x xã Th L, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 4/12;
Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;
Tiền án,Tiền sự: Không;
Con ông: Lê Sỹ D (đã chết) và bà: Lê Thị T; Gia đình có 04 anh, chị em, bị cáo là con thứ 3; vợ: Trần Thị L, có 02 con.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2018 đến nay, có mặt tại phiên toà.

2. **Phạm Ngọc L** - Sinh năm 1985;
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn x xã Th L, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá;
Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: lớp 5/12;
Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;
Tiền án,Tiền sự: Không;
Con ông: Phạm Ngọc L và bà: Lê Thị D; Gia đình có 03 anh, chị em, bị cáo là con thứ 2; vợ: Lê Thị S, có 01 con.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

- Bị hại: Bà **Đỗ Thị H** - Sinh năm 1976.

Trú tại: Thôn 1 xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân - tỉnh Thanh Hoá

Vắng mặt tại phiên toà.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1- Ông **Trịnh Đình Hợp -** Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh pháp lý số 6, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

2- Bà **Hà Thị Nhàn** - Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh pháp lý số 6, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 19/11/2018, Lê Sỹ H một mình đi xe buýt từ xã Thọ Lộc lên thị trấn ThọXuân đến trạm dừng gần ngã tư Chợ Bò thuộc khu 1 thị trấn Thọ Xuân thì xuống xe vào quán ăn sáng. Đến hơn 08 giờ Hảo vào chợ mua đồ. Do trời mưa nên H ở trong chợ khoảng 30 phút để chờ tạnh mưa rồi đi bộ ra phía cổng phụ ở ngách 182 đường Lê Hoàn. Lúc này Hảo Thấy bà Đỗ Thị H ở xã Xuân Trường huyện Thọ Xuân đi xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha biển kiểm soát 36M8-6709 đến và dựng xe sát ở mép đường phía ngoài cột cổng chợ rồi đi vào bên trong chợ. Phát hiện xe máy không có ai trông giữ nên H nãy sinh ý định trộm cắp. Hảo đi lại chỗ xe máy dùng chìa khóa cử cổng nhà cắm vào ổ điện của xe vặn phá được khóa. Sau đó ngồi lên xe nổ máy đi về nhà ở Thọ Lộc, tháo biển kiểm soát vứt xuống sông nông giang đoạn cầu Cây Trôi, H tháo gương chiếu hậu ra sau đó làm mất không tìm lại được. Chiều cùng ngày H đi xe máy trộm cắp được đến nhà Phạm Ngọc L hỏi bán, mặc dù L không hứa hẹn từ trước nhưng L biết xe máy là do Hảo trộm cắp được L vẫn đồng ý mua xe máy với giá 1.700.000đ. Do trước đó H còn nợ L 1.000.000đ nên L trả cho Hảo 700.000đ. Lấy tiền xong H đi về nhà.

Sau khi phát hiện mất xe, bà H đã báo cơ quan công an. Quá trình truy xét, ngày 20/11/2018 cơ quan điều tra đã phát hiện Phạm Ngọc L đang sử dụng chính là chiếc xe do H trộm cắp là của bà H mất trộm ngày 19/11/2018. Tại cơ quan điều tra L khai nhận đã mua xe của Lê Sỹ H và khi bán H nói rõ với L là xe trộm cắp được.

Đến 12 giờ cùng ngày H ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp số tiền bán xe máy còn lại 316.000đ (ba trăm mười sáu nghìn đồng) cho cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 39/KL-HĐĐG ngày 22/11/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thọ Xuân kết luận, giá trị còn lại của chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha tại thời điểm bị trộm cắp là 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Bà Đỗ Thị H sau khi nhận lại chiếc xe máy bị mất trộm không có yêu cầu bồi thường.

Đối với chiếc biển kiểm soát xe máy 36M8-6709 Hảo vứt xuống sông nông giang, cơ quan điều tra đã tổ chức tìm kiếm nhưng không thấy.

Tại bản cáo trạng số: 13/CT-VKS-TX ngày 30/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố bị cáo Lê Sỹ H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS; truy tố bị cáo Phạm Ngọc L về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo: Lê Sỹ H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS; tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc L phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 BLHS và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 BLHS để xử phạt: Lê Sỹ H từ 09 tháng đến 12 tháng tù và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2 Điều 65 BLHS để xử phạt: Phạm Ngọc L từ 06 tháng đến 9 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng. Đề nghị truy thu và tịch thu số tiền của bị cáo H do phạm tội mà có.

Tại phiên tòa các trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Khoản 1, 2 Điều 65 BLHS cho hưởng án treo đối với bị cáo Lê Sỹ H và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2 Điều 36 BLHS để phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Phạm Ngọc L. Đề nghị truy thu và tịch thu số tiền của bị cáo H do phạm tội mà có. Không buộc các bị cáo chịu án phí vì thuộc đối tượng "Cận nghèo".

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên toà hôm nay các bị cáo Lê Sỹ H và bị cáo Phạm Ngọc L thành khẩn nhận tội. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, lời khai của người bị hại và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Lê Sỹ H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS; tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc L phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 BLHS là đúng người, đúng tội.

[2] Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo Lê Sỹ H và bị cáo Phạm Ngọc L đã cố ý thực hiện phạm tội. Lợi dụng sơ hở của chị H, bị cáo H đã lén lút lấy chiếc xe máy nhãn hiệu Wave alpha biển kiểm soát 36M8-6709 có giá trị là 4.800.000đồng. Sau khi trộm cắp được H đã mang về nhà tháo biển số xe máy nhằm tránh bị phát hiện và bán cho Phạm Ngọc L. Hành vi Mua xe trên của Phạm Ngọc L, mặc dù không hứa hẹn trước với H nhưng L biết rõ chiếc xe máy đó là do H trộm cắp được nhưng vì hám lời bị cáo L đã thực hiện tội phạm, hành vi đó của bị cáo

L đã xâm phạm trật tự công cộng được pháp luật nhà nước bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy phải xử phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người tốt và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[3] Xét vai trò của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này có 02 bị cáo phạm tội nhưng độc lập với nhau, không thuộc trường hợp có tổ chức vì các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước; vai trò, tính chất cũng khác nhau;

Bị cáo Lê Sỹ H phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất vì bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn bị cáo L; tội phạm và hình phạt của tội "Trộm cắp tài sản" quy định trong BLHS cũng cao hơn so với tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Xét thấy trong thời gian gần đây, tình hình tội phạm trộm cắp tài sản sảy ra nhiều tren địa bàn huyện Thọ Xuân, gây tâm lý bất an trong xã hội. Vì vậy phải xử phạt thật nghiêm đối với bị cáo H, bắt bị cáo cách ly xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Bị cáo Phạm Ngọc L biết rõ chiếc xe máy nhãn hiệu Wave alpha đó là do H trộm cắp được nhưng vì động cơ hám lợi mà tiêu thụ tài sản do H trộm cắp. Vì vậy phải xử phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt có ích cho xã hội. Xét thấy bị cáo Phạm Ngọc L có mức độ phạm tội hạn chế, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 BLHS để cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để bị cáo cải tạo thành người tốt.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đều khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo H sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe máy nhãn hiệu Wave alpha biển kiểm soát 36M8-6709 có giá trị là 4.800.000đồng đã trả lại cho chủ sở hữu, nay người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chiếc xe máy do H trộm cắp được, H bán cho bị cáo L với giá 1.700.000đ. Do trước đó H còn nợ L 1.000.000đ nên L trả cho Hảo 700.000đ. Tại phiên tòa bị cáo L không yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 1.700.000đ. Như vậy Hội đồng xét xử xác định số tiền bị cáo H được hưởng lợi do phạm tội mà có là 1.700.000đ. Bị cáo đã nộp cho cơ quan điều tra 316.000đ và đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân nên phải tịch thu số tiền trên. Số tiền còn lại 1.384.000đ phải truy thu đối với bị cáo Lê Sỹ H để sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo Lê Sỹ H và bị cáo Phạm Ngọc L thuộc diện "Hộ cận nghèo" nên miễn tiền án phí HSST theo quyđịnh của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Sỹ H phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Phạm Ngọc L phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" .

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173 BLHS; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Lê Sỹ H;

- Xử phạt: Lê Sỹ H 09 (chín) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (từ ngày 20/11/2018).

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 323 BLHS; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2 Điều 65 BLHS đối với bị cáo Phạm Ngọc L.

- Xử phạt: Phạm Ngọc L 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án; giao bị cáo L cho chính quyền xã Th L, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách mà bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì có thể bị buộc phải chấp hành hình phạt tù của Bản án này.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS và Điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

Tuyên tịch thu số tiền 316.000đ (ba trăm mười sáu nghìn đồng) bị cáo Lê Sỹ H đã nộp theo phiếu thu số: PT 232 ngày 30/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân; Truy thu đối với bị cáo Lê Sỹ H số tiền 1.384.000đ (một triệu ba trăm tám mươi tư nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

- Về án phí: Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326 ngày 21/3/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các bị cáo Lê Sỹ H và Phạm Ngọc L không phải chịu án phí HSST.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND;
- THA dân sự;
- Phòng giám đốc án;
- Công an;
- Các bị cáo;
- Lu hồ sơ.

Lê Đăng Tuấn